

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 8 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về báo chí đợt 8 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 1778-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 12/10/2025 đến ngày 07/12/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Minh An	19.5.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005043	NVBC08/2025.01	
2	Đào Phương Anh	06.10.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005044	NVBC08/2025.02	
3	Lưu Phạm Phương Anh	06.3.2004	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005045	NVBC08/2025.03	
4	Phan Lê Minh Anh	07.7.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005046	NVBC08/2025.04	
5	Lê Ngọc Ánh	18.7.1997	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 005047	NVBC08/2025.05	
6	Trần Minh Châu	27.9.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005048	NVBC08/2025.06	
7	Nguyễn Quỳnh Chi	18.9.2002	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 005049	NVBC08/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Lê Thị Quỳnh Giang	09.5.2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005050	NVBC08/2025.08	
9	Vũ Văn Giáp	03.9.1984	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 005051	NVBC08/2025.09	
10	Nguyễn Văn Giáp	10.8.1984	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 005052	NVBC08/2025.10	
11	Trần Đại Hoàng	27.7.1981	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005053	NVBC08/2025.11	
12	Nguyễn Văn Hội	30.6.1979	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005054	NVBC08/2025.12	
13	Hà Thị Hồng Huế	23.6.1991	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005055	NVBC08/2025.13	
14	Nguyễn Thị Thanh Huệ	19.6.2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	HBT/BD 005056	NVBC08/2025.14	
15	Phạm Thị Huyền	10.02.1979	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005057	NVBC08/2025.15	
16	Vương Thị Huyền	08.5.1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005058	NVBC08/2025.16	
17	Phạm Trung Kiên	23.6.1982	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005059	NVBC08/2025.17	
18	Nguyễn Ngọc Lan	31.8.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005060	NVBC08/2025.18	
19	Nguyễn Thành Lân	06.7.1998	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 005061	NVBC08/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Trịnh Ngọc Thảo Linh	12.3.2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	HBT/BD 005062	NVBC08/2025.20	
21	Nguyễn Thị Khánh Linh	09.5.1997	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005063	NVBC08/2025.21	
22	Trương Thị Diệu Linh	12.01.1985	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BD 005064	NVBC08/2025.22	
23	Nguyễn Ngọc Linh	11.6.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005065	NVBC08/2025.23	
24	Nguyễn Thị Khánh Loan	28.10.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 005066	NVBC08/2025.24	
25	Hà Thị Loan	15.8.1996	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 005067	NVBC08/2025.25	
26	Hồ Sỹ Mạnh	23.02.2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	HBT/BD 005068	NVBC08/2025.26	
27	Vũ Quang Minh	17.8.2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 005069	NVBC08/2025.27	
28	Ngô Thị Kim Ngân	12.7.2000	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	HBT/BD 005070	NVBC08/2025.28	
29	Hồ Thị Bích Ngọc	14.12.2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005071	NVBC08/2025.29	
30	Lê Sỹ Ngọc	21.12.1983	Hòa Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005072	NVBC08/2025.30	
31	Nguyễn Phi Nhật	20.5.1980	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 005073	NVBC08/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Nguyễn Khánh Uyển Nhi	27.12.2007	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005074	NVBC08/2025.32	
33	Trần Hoàng Hồng Nhung	18.11.2002	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005075	NVBC08/2025.33	
34	Vũ Thị Kiều Oanh	25.9.2004	Lào Cai	Nữ	Kinh	HBT/BD 005076	NVBC08/2025.34	
35	Đặng Xuân Phong	16.01.1977	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 005077	NVBC08/2025.35	
36	Lương Minh Hà Phương	01.4.2006	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	HBT/BD 005078	NVBC08/2025.36	
37	Nguyễn Thị Quế	05.11.1988	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 005079	NVBC08/2025.37	
38	Phạm Thúy Quỳnh	17.8.1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 005080	NVBC08/2025.38	
39	Đào Ngọc Quỳnh Thanh	05.02.1987	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 005081	NVBC08/2025.39	
40	Dương Văn Thành	19.01.1986	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 005082	NVBC08/2025.40	
41	Vũ Việt Thành	05.11.2003	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 005083	NVBC08/2025.41	
42	Trương Thị Thảo	06.8.1995	Thanh Hóa	Nữ	Mường	HBT/BD 005084	NVBC08/2025.42	
43	Nguyễn Minh Đình Thiên	06.3.2007	Quảng Trị	Nam	Kinh	HBT/BD 005085	NVBC08/2025.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
44	Nguyễn Thị Thu	09.9.1993	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 005086	NVBC08/2025.44	
45	Nguyễn Trọng Tới	30.10.1977	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 005087	NVBC08/2025.45	
46	Đoàn Kiều Trang	12.11.2004	Kiên Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 005088	NVBC08/2025.46	
47	Phạm Ngọc Tú	04.12.1983	Tuyên Quang	Nam	Kinh	HBT/BD 005089	NVBC08/2025.47	
48	Nguyễn Anh Tuấn	28.7.1977	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 005090	NVBC08/2025.48	
49	Trần Văn Tường	22.02.1991	Kiên Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 005091	NVBC08/2025.49	
50	Lê Thị Tuyết	02.01.2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	HBT/BD 005092	NVBC08/2025.50	
51	Lê Đan Mỹ Uyên	31.3.2006	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 005093	NVBC08/2025.51	
52	Trần Thị Như Ý	29.8.2006	Đồng Nai	Nữ	Kinh	HBT/BD 005094	NVBC08/2025.52	

Tổng số: 52 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang